

Số: 5246 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề án đầu tư tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/2/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 1051/TTr-NHCS.ĐN ngày 05/11/2021 và Công văn số 1221/NHCSĐN-KHNV ngày 16/12/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Đề án đầu tư tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



Đồng Nai, ngày 28 tháng 12 năm 2021

ĐỀ ÁN

**Đầu tư tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng chính sách khác
bằng nguồn vốn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
giai đoạn 2022 - 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5246 /QĐ-UBND ngày 28/12/2021
của UBND tỉnh Đồng Nai)

Phần I

THỰC TRẠNG, SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI BẰNG NGUỒN VỐN NHẬN ỦY THÁC TỪ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2021

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và các huyện/thành phố trong tỉnh đã thường xuyên quan tâm, cân đối, bố trí ngân sách địa phương ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai để bổ sung nguồn vốn cho vay. Qua đó, tập trung nguồn lực, tạo điều kiện để chi nhánh triển khai đầy đủ, kịp thời các chương trình tín dụng, với quy mô ngày một mở rộng, đáp ứng ngày một nhiều hơn nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng chính sách; góp phần thực hiện thành công mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Kết quả đạt được như sau:

1. Về nguồn vốn

Đến 30/9/2021, ngân sách địa phương ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai là 750.037 triệu đồng, trong đó: ngân sách cấp tỉnh 525.314 triệu đồng, ngân sách các huyện, thành phố 185.327 triệu đồng; nguồn vốn từ lãi nhập gốc hàng năm theo quy định 39.396 triệu đồng. Đến nay, 100% huyện, thành phố đã bố trí ngân sách địa phương ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội.

So với trước khi thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW, nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tăng 646.570 triệu đồng (tăng gấp trên 06 lần), bình quân tăng trưởng 31,8%/năm, trong đó: ngân sách cấp tỉnh tăng 448.050 (bình quân tăng 30,9%/năm), ngân sách cấp huyện tăng 161.500 triệu đồng (bình quân tăng 32,8%/năm), còn lại là nguồn tiền lãi cho vay được để lại bổ sung nguồn vốn theo quy định. Tỷ trọng nguồn vốn ngân

sách địa phương trong cơ cấu nguồn vốn hoạt động của chi nhánh tăng từ 06% (đầu năm 2016) lên 24,5% (năm 2021).

2. Kết quả cho vay

Trong giai đoạn 2016-tháng 9/2021, từ nguồn vốn ngân sách địa phương, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đồng Nai đã giải ngân cho vay với tổng doanh số đạt 1.007.087 triệu đồng với 27.903 lượt hộ gia đình được vay vốn, trong đó: 1.988 lượt hộ nghèo, 3.850 lượt hộ cận nghèo, 4.524 hộ mới thoát nghèo và 17.222 hộ gia đình vay vốn giải quyết việc làm.... Tổng doanh số thu nợ là 464.910 triệu đồng.

Đến 30/9/2021, tổng dư nợ đạt 660.448 triệu đồng với 18.689 hộ còn dư nợ, tăng 558.895 triệu đồng (tăng 5,5 lần) so với đầu năm 2016, dư nợ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 33,5%. Dự kiến đến 31/12/2021, tổng dư nợ đạt 739.147 triệu đồng với 19.755 khách hàng còn dư nợ. Dư nợ bình quân tăng từ 15,7 triệu đồng/hộ (năm 2016) lên 37,4 triệu đồng/hộ (năm 2021).

3. Chất lượng tín dụng

Đến 30/9/2021, nợ quá hạn là 1.051 triệu đồng, giảm 219 triệu đồng so với đầu năm 2016. Tỷ lệ nợ quá hạn giảm từ 1,07% (đầu năm 2016) xuống còn 0,16% (tháng 8/2021).

4. Hiệu quả đầu tư tín dụng chính sách xã hội

Tín dụng chính sách đã đem lại hiệu quả toàn diện về kinh tế - chính trị - xã hội, là một giải pháp quan trọng, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có thu nhập trung bình và các đối tượng chính sách có điều kiện phát triển sản xuất, kinh doanh, phát huy tiềm năng sẵn có về tài nguyên đất đai, kinh nghiệm sản xuất để tạo sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, từng bước cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống, hạn chế “tái nghèo”, hạn chế “tín dụng đen”; góp phần hoàn thành chương trình mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững, xây dựng nông thôn mới.

Vốn tín dụng chính sách đã được đầu tư đến 100% xã/phường/thị trấn trong toàn tỉnh; 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn tỉnh có nhu cầu, đủ điều kiện đều được tiếp cận tín dụng chính sách xã hội; đã hỗ trợ 4.531 hộ thoát khỏi ngưỡng nghèo, hỗ trợ tạo việc làm cho 20.276 lao động, xây dựng được 65 công trình cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, mua, thuê mua được 41 căn nhà ở xã hội. Trên cơ sở đó, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh từ 1,73% (năm 2016) xuống còn 0,41% (cuối năm 2020); hộ cận nghèo giảm từ 0,85% (năm 2016) xuống còn 0,38% (năm 2020).

Việc lồng ghép hoạt động tín dụng chính sách xã hội với các định hướng phát triển sản xuất nhằm phát huy thế mạnh vùng miền đã đem lại giá trị và hiệu quả kinh tế cao, góp phần phát triển kinh tế khu vực nông nghiệp nông thôn theo hướng ổn định, bền vững. Qua đó, góp phần tăng cường nguồn lực, cùng các địa phương thực hiện thành công các tiêu chí và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương

trình xây dựng nông thôn mới với 11/11 huyện, 121/121 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 51 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (năm 2020), về đích trước 02 năm so với mục tiêu đề ra, dẫn đầu cả nước về số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 59,6 triệu đồng/người/năm (năm 2020).

Ngoài ý nghĩa kinh tế, tín dụng chính sách xã hội mang lại nhiều ý nghĩa chính trị, xã hội to lớn, góp phần thực hiện chiến lược xuyên suốt của tỉnh về phát triển kinh tế đi đôi với phát triển xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nhất là đối với hộ nghèo, đối tượng chính sách; góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; tăng cường tính chủ động, khắc phục tình trạng trông chờ, ỷ lại của một bộ phận người dân vào chính sách bao cấp, cho không của nhà nước; đồng thời, thông qua việc triển khai tín dụng chính sách xã hội giúp chính quyền nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc, bức xúc của nhân dân, góp phần ổn định an ninh trật tự, an toàn xã hội.

5. Một số khó khăn, tồn tại

Trong thời gian qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, tạo điều kiện của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, hoạt động tín dụng chính sách xã hội đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, còn một số khó khăn, tồn tại đó là:

- Việc bố trí ngân sách địa phương uỷ thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay, tuy đã có chuyển biến tích cực, nhưng vẫn còn hạn chế so với nhu cầu thực tế của người dân, đặc biệt là nhu cầu vốn tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

- Thiếu cơ chế cụ thể lồng ghép, phối hợp hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, định hướng thị trường, tiêu thụ sản phẩm với hoạt động tín dụng chính sách xã hội, nên một bộ phận người vay sử dụng vốn chưa hiệu quả, thoát nghèo chưa bền vững.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Kết quả đạt được trong thời gian qua khẳng định chủ trương đúng đắn của Đảng, Nhà nước cũng như việc triển khai tích cực của các cấp, các ngành trong tỉnh nhằm tập trung nguồn lực để thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo nhanh, bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng, xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn địa phương, nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện được bổ sung trong thời gian qua đã trở thành trợ lực quan trọng, tạo sự bình đẳng trong thụ hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước trong điều kiện nguồn vốn trung ương không bố trí để hỗ trợ cho những đối tượng này.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đặt ra mục tiêu có ít nhất 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; phấn đấu giảm 80% hộ nghèo A/tổng số hộ nghèo giai đoạn 2021-2025; thu nhập bình quân của người dân khu vực nông thôn đạt 77 triệu đồng/năm....Đồng thời, Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh Đồng Nai cũng đặt ra giải pháp trọng tâm là triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách giảm nghèo, bảo đảm mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo.

Với nhiều chính sách, giải pháp đồng bộ của trung ương và của tỉnh, hộ nghèo, hộ cận nghèo sẽ có xu hướng giảm dần, trở thành những hộ có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, nhiều hộ nghèo, hộ cận nghèo thoát nghèo nhưng chưa thực sự bền vững; việc làm, thu nhập chưa ổn định, nguy cơ tái nghèo cao; các hộ có thu nhập trung bình, lao động nông thôn, đặc biệt là lao động sau đào tạo nghề, bộ đội xuất ngũ, lao động thiếu/mất việc làm do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, lao động tự do....có nhu cầu vay vốn sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm ngày càng tăng nhưng khó tiếp cận tín dụng từ các ngân hàng thương mại.

Trong điều kiện kinh tế thế giới, khu vực và trong nước có nhiều biến động: khủng hoảng kinh tế, chính trị; thiên tai, dịch bệnh, nhất là đại dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp, khó lường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, việc làm và thu nhập của người dân, dễ dẫn tới gia tăng tình trạng thất nghiệp, nguy cơ tái nghèo.....đặt ra những thách thức trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới. Mặt khác, với xu thế đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất hàng hoá theo chuỗi giá trị, đầu tư sản phẩm OCOP phát huy thế mạnh vùng miền..., đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn. Vì vậy, cần tăng cường nguồn vốn, nâng mức cho vay, mở rộng triển khai các chương trình tín dụng, tăng khả năng tiếp cận nguồn vốn ưu đãi để hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có thu nhập trung bình và đối tượng chính sách có nguồn lực duy trì, mở rộng sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, thoát nghèo bền vững, góp phần nâng cao các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Xuất phát từ nhu cầu vay vốn của hộ nghèo, hộ cận nghèo và nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm của người dân trên địa bàn tỉnh, cũng như xét từ hiệu quả việc cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng chính sách bằng nguồn vốn ngân sách địa phương trong thời gian qua. Nhằm tiếp tục tăng cường nguồn lực từ ngân sách địa phương uỷ thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay nhằm từng bước mở rộng đối tượng, nâng mức cho vay phù hợp với mục tiêu các Chương trình mục tiêu quốc gia và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư trung ương Đảng, Thông tri số 32-TT/TU, ngày 09/7/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai, Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của ban Bí thư về

tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội, Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 12/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận 06-KL/TW; việc ban hành Đề án đầu tư tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 là cần thiết, góp phần thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh.

III. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;
- Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Chỉ thị số 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội;
- Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội;
- Quyết định số 1630/QĐ-TTg ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội và Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW ;
- Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/2/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
- Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 10/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ XI (nhiệm kỳ 2020 - 2025);
- Thông tri số 32-TT/TU, ngày 09/7/2015 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về triển khai thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội;
- Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 12/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đồng Nai về triển khai thực hiện Kết luận số 06-KL/TW ngày 10/6/2021 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 40-CT/TW ngày 22/11/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với tín dụng chính sách xã hội;
- Kế hoạch số 84-KH/TU ngày 05/10/2021 của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 23/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường

sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo bền vững đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh;

- Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 5 năm 2021-2025;

- Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 7 Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Phần II

MỤC TIÊU, NỘI DUNG, NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu chung

- Đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có thu nhập trung bình, góp phần thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

- Góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các xã nông thôn mới. Xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu theo hướng phát triển toàn diện, bền vững, đi vào chiều sâu, đảm bảo xây dựng “nông thôn 4 có”: có đời sống kinh tế được cải thiện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, có đời sống văn hóa, an ninh, an toàn bảo đảm, có môi trường sinh thái phát triển bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu, đủ điều kiện được vay vốn;

- Hỗ trợ khoảng 50.000 người lao động, 3.900 hộ sản xuất kinh doanh vay vốn để tạo việc làm. Trong đó, 50% được hỗ trợ bằng vốn trung ương, 50% được hỗ trợ bằng vốn uỷ thác từ ngân sách địa phương.

- Nâng mức cho vay bình quân lên 50 triệu/hộ/lao động.

II. NỘI DUNG CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ TÍN DỤNG

1. Đối tượng được vay vốn

Thực hiện theo khoản 3 Điều 5 Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, bao gồm:

- Hộ nghèo,
- Hộ cận nghèo;
- Hộ mới thoát nghèo;
- Hộ gia đình có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, tự tạo việc làm hoặc để tạo việc làm cho các thành viên trong hộ hoặc thu hút thêm lao động

2. Mức cho vay, thời hạn cho vay: Theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với từng chương trình tín dụng (*khoản 4, khoản 5 Điều 5 Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai*).

3. Lãi suất cho vay: áp dụng mức lãi suất cho vay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ cho từng chương trình, lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay (*khoản 6 Điều 5 Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai*).

4. Quy trình, thủ tục cho vay, thu nợ, thu lãi, kiểm tra sử dụng vốn vay, xử lý nợ bị rủi ro: thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội (*khoản 7 Điều 5 Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai*).

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Tổng nhu cầu vốn

Tổng nhu cầu vốn dự kiến bổ sung cho các chương trình tín dụng đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và cho vay giải quyết việc làm giai đoạn 2022-2025 là **700.000 triệu đồng**, trong đó: cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo: 238.000 triệu đồng; cho vay hộ mới thoát nghèo: 2.000 triệu đồng; cho vay giải quyết việc làm: 460.000 triệu đồng.

2. Kế hoạch bố trí vốn

Cân đối, bố trí từ ngân sách cấp tỉnh 540.000 triệu đồng, ngân sách cấp huyện 160.000 triệu đồng. Cụ thể:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Cấp ngân sách	Tổng	Cụ thể các năm			
			2022	2023	2024	2025
1	Ngân sách cấp tỉnh	540.000	135.000	135.000	135.000	135.000
2	Ngân sách cấp huyện	160.000	40.000	40.000	40.000	40.000

- Đối với ngân sách tỉnh: Căn cứ dự kiến kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, hằng năm, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Lao động – Thương binh và xã hội và các sở, ngành có liên quan lập dự toán ngân sách, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân phê duyệt cụ thể theo quy định tại Quy chế quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 37/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đối với ngân sách cấp huyện: hằng năm, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Tài chính cân đối ngân sách để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành nghị quyết về giao dự toán chi ngân sách địa phương uỷ thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Hằng năm, chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội phối hợp với các sở, ngành có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các huyện thành phố cân đối, bố trí ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt kế hoạch ngân sách uỷ thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm đảm bảo nguồn lực thực hiện thành công mục tiêu Đề án, góp phần thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Phân đầu cân đối, ưu tiên bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương nhiều hơn dự kiến kế hoạch tại Đề án này để bổ sung nguồn vốn nhằm đáp ứng nhu cầu nâng mức cho vay của các đối tượng thụ hưởng.

2. Chi nhánh và các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, thành phố chủ động báo cáo chính quyền địa phương, phối hợp với tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác triển khai cho vay đảm bảo đúng đối tượng; kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng; bảo tồn, phát triển vốn; tích cực thu hồi nợ đến hạn, tạo lập nguồn vốn cho vay quay vòng, nâng cao hệ số sử dụng vốn để

nhiều lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng chính sách được tiếp cận tín dụng ưu đãi từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

3. Phối hợp giữa các sở, ban, ngành có liên quan lồng ghép có hiệu quả tín dụng chính sách xã hội với các hoạt động khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm; phổ biến, hướng dẫn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về quản lý tài chính cá nhân, hộ gia đình; khuyến khích người vay tham gia các mô hình liên kết sản xuất, định hướng thị trường gắn với tiêu thụ sản phẩm; gắn tín dụng chính sách xã hội với các mô hình, chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn, dạy nghề, tạo việc làm nhằm đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới.

4. Tăng cường sự tham gia phối hợp, kiểm tra, giám sát của các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp đối với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc triển khai các chương trình tín dụng chính sách xã hội, đảm bảo tuân thủ Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ban hành kèm theo Quyết định 37/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

5. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về tín dụng chính sách xã hội. Động viên, khích lệ, phát huy tinh thần chủ động, trách nhiệm, tạo tâm lý tự tin, ý chí thoát nghèo để người nghèo, đối tượng chính sách mạnh dạn tiếp cận vốn tín dụng ưu đãi, nâng cao ý thức trách nhiệm trong sử dụng vốn, hoàn trả vốn vay.

6. Chủ động rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Đề án để kịp thời tham mưu đề xuất Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và các huyện, thành phố xem xét, điều chỉnh đảm bảo quy định của pháp luật, phù hợp với chỉ đạo của Trung ương và điều kiện thực tiễn của địa phương.

Phần III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Sở Tài chính

- Hằng năm, chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị có liên quan rà soát, cân đối bố trí ngân sách để tham mưu, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về giao dự toán chi ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí nguồn vốn, trình cấp có thẩm quyền uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội; đồng thời, phối hợp với các sở,

ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tham mưu chỉ đạo công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức đào tạo nghề và nắm bắt nhu cầu vay vốn giải quyết việc làm để Ngân hàng Chính sách xã hội xác định đối tượng, nhu cầu vốn đảm bảo đúng quy định.

- Hằng năm, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về giao dự toán chi ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay.

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp lồng ghép có hiệu quả hoạt động khuyến nông, khuyến lâm; phổ biến, nâng cao kiến thức về sản xuất nông nghiệp; khuyến khích người vay tham gia các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ các mô hình, chương trình, dự án về phát triển nông nghiệp nông thôn, chương trình mỗi xã một sản phẩm với hoạt động cho vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư tín dụng chính sách xã hội.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác

- Phát huy vai trò tập hợp lực lượng, thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả giám sát toàn dân đối với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

- Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền về tín dụng chính sách xã hội để người dân và các đối tượng thụ hưởng hiểu rõ chủ trương, chính sách, mạnh dạn vay vốn, đầu tư sản xuất kinh doanh, tạo sinh kế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống; đồng thời, thực hiện tốt trách nhiệm trong việc sử dụng vốn đúng mục đích, trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn.

- Tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện có hiệu quả hoạt động uỷ thác, đảm bảo quản lý tốt hoạt động tín dụng chính sách xã hội, chú trọng làm tốt công tác nhận diện, bình xét, xác nhận đối tượng vay vốn đảm bảo công khai, dân chủ, đúng đối tượng; hướng dẫn, đôn đốc người vay sử dụng vốn đúng mục đích; thường xuyên kiểm tra, nắm chắc tình hình sử dụng vốn của người vay. Xây dựng, lồng ghép mô hình, chương trình, dự án hỗ trợ Đoàn viên, Hội viên phát triển kinh tế với việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn tín dụng chính sách xã

hội; nhân rộng các mô hình giảm nghèo bền vững, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh.

6. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các Phòng giao dịch huyện, thành phố

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương uỷ thác đảm bảo đúng quy định của pháp luật và Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ban hành kèm theo Quyết định 37/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã triển khai cho vay đảm bảo đúng đối tượng; kiểm soát, nâng cao chất lượng tín dụng, bảo tồn, phát triển vốn ngân sách địa phương.

- Phối hợp với ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn lồng ghép có hiệu quả giữa hoạt động cho vay vốn với các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, liên kết tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ các mô hình, chương trình, dự án về phát triển nông nghiệp nông thôn, dự án sản xuất theo chuỗi liên kết, chương trình mỗi xã một sản phẩm.....nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tạo sinh kế bền vững cho người dân.

- Chủ động báo cáo Ngân hàng Chính sách xã hội trung ương cân đối, bố trí nguồn vốn đối ứng để cho vay giải quyết việc làm, đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu Đề án.

- Định kỳ hằng năm (trước 31/01) hoặc đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện/thành phố và các sở, ngành có liên quan kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng vốn từ ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện Đề án.

- Kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, xử lý rủi ro cho người vay theo quy định.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

- Hằng năm, chỉ đạo Phòng Tài chính cân đối ngân sách đề tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành nghị quyết về giao dự toán chi ngân sách địa phương uỷ thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội để bổ sung nguồn vốn cho vay.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện Đề án tại địa phương.

- Chỉ đạo các ngành phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Chính sách xã hội trong quản lý, nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội tại địa phương; kịp thời điều tra, rà soát, xác nhận đối tượng thụ hưởng tín dụng chính sách xã hội làm cơ sở để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay; lồng ghép có hiệu quả việc triển khai thực hiện Đề án với việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

8. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn, đảm bảo cho vay đúng đối tượng.

- Chủ động thường xuyên rà soát, điều tra bổ sung kịp thời vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chí được cấp có thẩm quyền quy định; nắm bắt nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng chính sách tại địa phương để đề xuất, kiến nghị, xử lý kịp thời.

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn, đôn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn; phối hợp kiểm tra, phúc tra, thiết lập hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro theo quy định.

- Chỉ đạo lồng ghép các chương trình, dự án với việc sử dụng vốn địa phương nhằm phát huy hiệu quả Đề án.
